

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 25/9/2019.
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân
2. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Nguyễn Nguyên Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết H, địa chỉ: Số nhà 40 đường Lê H, phường Thuận H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, địa chỉ: Số nhà 2A/151 đường Nguyễn Chí T, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Số nhà 2A/151 đường Nguyễn Chí T, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt

Ông Trần Ngọc K, địa chỉ: Số nhà 40 đường Lê H, phường Thuận H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H trình bày được tóm tắt như sau:

Bà Võ Thị Tuyết H và bà Phạm Thị T có quan hệ quen biết trong thời gian buôn bán tại Chợ Đông Ba, thành phố Huế. Vào tháng 7/2016 (Âm lịch) bà H có cho bà T vay 200 triệu đồng, tháng 8/2016 (Âm lịch) bà Hoa cho bà T vay thêm 70 triệu đồng, tổng cộng là 270.000.000 đồng để làm ăn và bà T hứa khi nào bà H cần thì sẽ trả lại. Trong thời gian cho vay, bà H có nhận tiền lãi do bà T trả là 1.800.000 đồng. Việc vay tiền giữa hai bên không lập thành văn bản mà chỉ trao đổi bằng miệng trực tiếp, dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, khi vay tiền được một thời gian ngắn thì bà T có tình tránh mặt, sau đó bà Hoa yêu cầu bà T trả nợ vay nhưng bà T không chịu trả và có tình trì hoãn, trốn tránh trách nhiệm. Ngày 31/8/2016, tại nhà của mẹ ruột bà T địa chỉ số 7 Nguyễn Văn Siêu, thành phố Huế, bà T có gọi bà H (cùng những người chủ nợ khác) đến nhà của cha mẹ bà Th để bàn về phương án trả nợ, tại đây bà T đã tự nguyện viết Giấy trả tiền, nội dung giấy trả tiền nêu rõ số tiền cụ thể bà T còn nợ của từng người, trong đó bà T nợ của bà H là 270.000.000 đồng; sau đó, bà T có đưa ra phương án trả nợ là giao lô hàng bạc và gương tại chợ Đông Ba của con bà T để các chủ nợ bán và chia theo tỷ lệ phần trăm, nhưng bà H không đồng ý nên đã ra về, mọi việc sau đó được giải quyết như thế nào bà không rõ. Số tiền bà H cho bà T vay là tài sản chung của bà H và chồng là ông Trần Ngọc K. Việc bà H cho bà Th vay tiền thì ông Nguyễn Văn H- chồng bà Th cũng biết, vì ông H là người đi trả tiền lãi cho bà H. Ngày 14/3/2017, bà H gửi văn bản yêu cầu bà Th trả nợ qua đường bưu điện, nhưng bà Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, bà H đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Phạm Thị T – ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà số tiền gốc 270.000.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 30/4/2017. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bà H chỉ yêu cầu trả tiền gốc 270.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi nữa.

Phía bị đơn- bà Phạm Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày:

Bà làm nghề cho vay tiền cầm hụi tại chợ Đông Ba - Huế. Bà thừa nhận vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2016 (Âm lịch), bà có vay của bà H 02 lần tổng số tiền là 270.000.000 đồng. Sau đó, do làm ăn thua lỗ nên khi bà H nhiều lần đòi tiền nợ thì bà không có khả năng trả nợ nên chưa trả. Ngày 31/8/2016, vì nhiều người đòi nợ bà nên bà đã gọi 08 người chủ nợ họp lại để tìm cách trả nợ, trong đó có bà H. Tại buổi họp các chủ nợ này, các chủ nợ đều đồng ý với ý kiến của bà là sẽ giao lô hàng bạc, gương tại chợ Đông Ba của con trai bà là Nguyễn Tấn Trị giá khoảng 750.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm nhận lô hàng để bán, sau đó lấy tiền bán được chia cho tất cả các chủ nợ theo tỷ lệ phần trăm số nợ của từng người, như vậy là bà đã xóa tất cả các khoản nợ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà thanh toán 270.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- ông Trần Ngọc K- chồng của bà H, trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến của bà Võ Thị Tuyết H, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Phạm Thị T – ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà H số tiền gốc 270.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Văn H - chồng của bà Ttrình bày:

Bà T có nghề vay mượn tiền tại chợ Đông Ba, bà T là lao động chính trong gia đình, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà T đảm nhận vì ông thường đau ốm và ở nhà trông con. Việc vay mượn giữa bà T và bà H ông không biết và bà T cũng không bàn bạc gì với ông nên ông không có liên quan. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà T và ông thanh toán tiền nợ 270.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi thì ông không có trách nhiệm phải trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng trong vụ án -bà Nguyễn Thị Tkhai rằng:

Bà có mối quan hệ quen biết với bà Phạm Thị T và Võ Thị Tuyết H vì đều buôn bán tại chợ Đông Ba. Do quan hệ làm ăn cần vốn nên bà Thúy có vay mượn tiền nhiều người tại chợ Đông Ba trong đó có bà và bà Hoa, mục đích vay tiền của bà T là để cho người khác vay lại để lấy lãi chênh lệch, thông thường vay trong thời gian ngắn từ 08 đến 20 ngày thì bà Thúy sẽ trả, nhưng sau đó không liên lạc được với bà T nên chưa thu hồi được nợ. Khoảng tháng 8 năm 2016, bà Phạm Thị T có họp tất cả các chủ nợ về tại nhà cha mẹ của bà T để bàn kế hoạch trả nợ, tại buổi làm việc này, bà T đưa ra ý kiến là sẽ cản trừ các khoản nợ của các chủ nợ bằng cách giao tài sản của bà T là lô hàng bạc, gương tại chợ Đông Ba để bán và chia theo tỷ lệ phần trăm số tiền còn nợ của mỗi chủ nợ và đã giao cho bà chịu trách nhiệm bán lô hàng này, ý kiến của bà T là như vậy nhưng các chủ nợ không nhất trí vì số tiền bà T nợ của họ cao gấp nhiều lần giá trị lô hàng. Sau đó bà bán lô hàng được 350 triệu đồng, cộng với số bạc trị giá 200 triệu đồng là 550 triệu đồng, số tiền này còn chưa đủ để thanh toán tiền bà T nợ của bà. Việc bà T trả nợ cho bà H như thế nào thì bà không biết .

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Tuyết H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T- ông H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 270.000.000 đồng, rút yêu cầu về trả tiền lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền và xác định đúng những người tham gia tố tụng; tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng cho những người vắng mặt do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 58, Điều 262, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 116, 117, 119, 280, 463, Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội để giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết H, buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Võ Thị Tuyết H số tiền nợ

gốc là 270.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hoa về việc yêu cầu bà Phạm Thị T trả số tiền lãi chậm trả là 9.000.000 đồng tạm tính đến 30/4/2017; buộc bà Phạm Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn- bà Phạm Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn H đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về giao dịch vay tiền giữa các bên: Bà Võ Thị Tuyết H và bà Phạm Thị T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên có mối quan hệ vay mượn tiền tại chợ Đông Ba từ lâu. Trong năm 2016, bà H tự nguyện cho bà T vay 02 lần với tổng số tiền là 270 triệu đồng, lãi suất tự thỏa thuận, giữa hai bên chỉ trao đổi bằng miệng, không lập văn bản. Sau một thời gian vay tiền, bà H nhiều lần đòi nhưng bà T không trả. Trước áp lực đòi nợ của bà H (và các chủ nợ khác mà bà T đã vay), vào ngày 31/8/2016, bà T đã họp các chủ nợ tìm phương án trả nợ và bà Phạm Thị T đã tự nguyện viết “Giấy trả tiền” (bút lục số 12), thừa nhận số tiền nợ của từng người cụ thể, trong đó, bà Phạm Thị T còn nợ của bà Võ Thị Tuyết H 270 triệu đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận giao dịch vay tiền giữa bà Phạm Thị T và bà Võ Thị Tuyết H là hợp pháp theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Hợp đồng giữa bà Võ Thị Tuyết H và người vay Phạm Thị T là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện: Trước khi khởi kiện, bà Võ Thị Tuyết H đã gửi thông báo đòi nợ cho bà Phạm Thị T ghi ngày 14/3/2017; ngoài ra, lời khai của bà H và bà T tại hồ sơ đã khẳng định bà H nhiều lần bằng lời nói trực tiếp yêu cầu bà T phải trả khoản nợ trên. Như vậy, bà Võ Thị Tuyết H đã đáp ứng đầy đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Về số tiền nợ: Bà Phạm Thị T thừa nhận có nợ bà H 270 triệu đồng, nhưng cho rằng đã trả theo phương thức cắt trừ nợ theo tỷ lệ phần trăm số tiền mà bà H chia được từ số tiền bán lô hàng bạc, gương tại chợ Đông Ba của bà. Xét lời trình bày của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ bà T không cung cấp được bất cứ tài liệu nào chứng minh cho lời khai của mình, mặt khác, bà Võ Thị Tuyết H khẳng định chưa nhận số tiền trả nợ nào từ bà T. Lời khai này phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị T, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, đủ cơ sở để khẳng định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền gốc mà bà Phạm Thị T còn nợ của bà Võ Thị Tuyết H là 270 triệu đồng. Bà H khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền gốc là 270.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

2.3. Về xác định trách nhiệm trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án, bà T khai mục đích vay tiền là để cho người khác vay lại nhằm lấy tiền lãi chênh lệch làm thu nhập trang trải cho cuộc sống gia đình, việc vay tiền giữa bà và bà H thì chồng bà là ông Nguyễn Văn H không biết và không có liên quan gì. Ông Nguyễn Văn H trong quá trình tố tụng cũng đã khai rằng ông không biết và không có gì liên quan đến việc làm ăn của vợ tại chợ Đông Ba, nhưng ông thừa nhận bà T là lao động chính trong gia đình, vì lý do sức khỏe nên ông chỉ ở nhà chăm sóc con, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà T đảm nhận.

Vì vậy, căn cứ các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, buộc vợ chồng bà Phạm Thị T- ông Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Tuyết H số tiền gốc 270.000.000 đồng là có căn cứ.

2.4. Đối với việc không yêu cầu tính lãi của bà Hoa: Xét việc bà Võ Thị Tuyết H không yêu cầu bà Thúy phải trả tiền lãi là tự nguyện, đúng pháp luật nên áp dụng khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ đối với số tiền lãi chậm trả đã rút.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Phạm Thị T phải chịu án phí 13.500.000 đồng (tức là 270.000.000 đồng x 5%)

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, Điều 469 của Bộ Luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Võ Thị Tuyết H

Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Tuyết H số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc bà Võ Thị Tuyết H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H chưa thi hành số tiền nói trên, thì bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu 13.500.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Tuyết H số tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/004515 ngày 18/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mộng Trinh